



tí àn

提案

noun · proposal

Example Sentences

Zhè gè tí àn dé dào le dà jiā de zhī chí
这个提案得到了大家的支持。

This proposal received everyone's support.

Tā men zhèng zài tāo lùn xīn de huán bǎo tí àn
他们正在讨论新的环保提案。

They are discussing a new environmental protection proposal.

Trace each character, then write the word on your own.

提	提	提	提	提	提	提	提	提	提	提
提	提	提	提							
案	案	案	案	案	案	案	案	案	案	案
案	案									